

Án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 9- 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bình

Bà Dương Thị Huệ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên: Bà Bùi Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 20/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 98/2024/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, có mặt

..... **Bị đơn:** Anh Phan Đ H, sinh năm 1981, (*vắng mặt lần thứ hai không có lý do*)

Đều trú tại: Xóm T, xã T, TP S, Tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Phan Đ H kết hôn năm 2005 đăng ký tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, kết hôn là tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng H phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh những mâu thuẫn lớn do anh H có mối quan hệ ngoài luồng, chơi bời, nợ nần và không quan tâm đến vợ con, mọi việc trong gia đình, chăm lo cho con cái đều một mình chị gánh vác, lo toan. Chị đã nhiều lần cho anh H cơ hội sửa đổi mong

muôn anh H thay đổi để vợ chồng chung sống hòa thuận lo cho con chung, nhưng anh H không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn không thể hàn gắn được. Chị và anh H đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn qua lại quan hệ tình cảm và chăm sóc nhau. Chị về sống cùng bố mẹ đẻ tại Nam Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Chị đang làm công nhân ở khu công nghiệp Sông Công, lương tháng bình quân từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, giờ làm việc hành chính thời gian từ 8 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Chị và anh H có 02 con chung là cháu Phan Văn K, sinh ngày 21/11/2006; Phan Anh Đ, sinh ngày 20/9/2011. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Phan Anh Đ, đối với cháu Phan Văn K đã trưởng thành, có sức khỏe tốt chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại con chung Phan Anh Đ đang sống cùng chị, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Ý kiến của bị đơn anh H trình bày tại bản tự khai.***

Anh xác nhận thông tin về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân không còn qua lại quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị L.

Quá trình chung sống anh và chị L có 02 con chung là cháu Phan Văn K, sinh ngày 21/11/2006; Phan Anh Đ, sinh ngày 20/9/2011. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung Phan Anh Đ, đối với cháu Phan Văn K đã trưởng thành, có sức khỏe tốt anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại con chung Phan Anh Đ đang sống cùng chị L. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh xác định đất và nhà không có, chỉ có số tiền tiết kiệm là 400.000.000 đồng, về nợ chung anh xác định không có.

Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn theo yêu cầu khởi kiện. Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 36 ngày 07/8/2024 đối với chị L, anh H là người phải cung cấp tài liệu, chứng cứ. Chị L đã cung cấp bảng lương, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng; Giấy xác nhận nơi công tác. Về phía anh H, không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải cho chị L, anh H về đoàn tụ, anh H đến Tòa

án nhận các văn bản tố tụng và đến tham gia hòa giải một lần và nhất trí ly hôn với chị L. Đối với số tiền 400.000.000 đồng anh H trình bày là tiền tiết kiệm của hai vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên khi Tòa án yêu cầu anh H cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với số tiết kiệm 400.000.000 đồng và làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết, nhưng anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cũng không làm đơn yêu cầu đối với đề nghị trên. Vụ án phải đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên Tòa, đại diện VKS nhân dân thành phố Sông Công phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng, không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L cho chị L được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Anh Đ, sinh ngày 20/9/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

- Về tài sản chung: Việc anh H yêu cầu chia tài sản chung nhưng không có căn cứ giải quyết, anh H có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định là không có.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Phan Đ H. Bị đơn đang cư trú tại xóm T, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, tranh chấp về con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Phan Đ H kết hôn năm 2005 đăng ký tại UBND xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, kết hôn là tự nguyện không bị ép buộc, hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống chị L và anh H xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm, giữa chị L và anh H không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ vợ chồng, có thể thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phan Đ H là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị L và anh H 02 con chung Phan Văn K, sinh ngày 21/11/2006; Phan Anh Đ, sinh ngày 20/9/2011. Chị L, anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại con chung Phan Anh Đ đang sống cùng chị L được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt, đảm bảo việc học cho con, Cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị L, đối với cháu Phan Văn K đã trưởng thành, có sức khỏe tốt chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L hiện đang làm công nhân may tại Công ty may TNG Chi nhánh may Sông Công 4, công việc và thu nhập ổn định. Chị L có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở,... đảm bảo khả năng nuôi dưỡng con chung, do đó cần giao con chung Phan Anh Đ cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi chị L có yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung: Anh H cho rằng vợ chồng anh có tài sản chung là số tiết kiệm 400.000.000 đồng anh có đề nghị chia tài sản chung nhưng anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ và cũng không có đơn yêu cầu chia tài

sản chung, tại phiên toà anh H vắng mặt do đó Hội Đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Anh H có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có

2.4. *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2.5. *Về quyền kháng cáo*: Chị L, anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án, của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phan Đ H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Anh Đ, sinh ngày 20/9/2011 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Cháu Phan Văn K sinh ngày 21/11/2006 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi chị L có yêu cầu.

4. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000719 ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Có mặt nguyên đơn là chị L, báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn là anh H, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPSCTN;
- THADS TPSCTN;
- UBND xã T, TPSCTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thùy Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPSCTN;
- THADS TPSCTN;
- UBND nơi ĐKKH;
Xã T, TPSCTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Lan Anh

